TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 602/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố T, ngày 24 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 292/2025/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1998

Thường trú: số A Đường B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Ông Đỗ Quốc C1, sinh năm 1997

Thường trú: ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: số C Đường số E, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2022.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/3/2025, bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 đã thống nhất như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Trần Khánh Bình S ngày 09/6/2023. Bà Trần Thị Ngọc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Trần Khánh Bình S ngày 09/6/2023. Ông Đỗ Quốc C1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 xác định không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/3/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Trần Khánh Bình S ngày 09/6/2023. Bà Trần Thị Ngọc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Trần Khánh Bình S ngày 09/6/2023. Ông Đỗ Quốc C1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ khi bà Trần Thị Ngọc C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đỗ Quốc C1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hằng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3 Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

1.4 Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0080345 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Trần Thị Ngọc C và ông Đỗ Quốc C1 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lệ Thủy